

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 39/CPTPV/2025

I. Thông tin về tổ chức tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức: **CÔNG TY TNHH CÀ PHÊ TRÀ PHƯƠNG VY**

Địa chỉ: 432A Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Thạnh Mỹ Tây, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại: (84.28) 3899 7156 – (84.28) 3899 0603 Hotline: 1900232353

Email: contact@phuongvycoffee.com

Mã số doanh nghiệp: 0310553942

Doanh nghiệp đã được cấp giấy chứng nhận Hệ thống An toàn thực phẩm FSSC 22000 số VN014220 - 1 cấp ngày 11/11/2025 bởi BUREAU VERITAS VIETNAM cho cơ sở sản xuất:

Chi nhánh Công ty TNHH Cà phê Trà Phương Vy

Địa chỉ: Số 12, VSIP II-A, đường số 15, Khu Công Nghiệp Việt Nam – Singapore II-A, Phường Vĩnh Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: PHIN ĐẬM ĐẶC BIỆT

2. Thành phần: Cà phê, đậu nành, chất tạo màu tự nhiên (150a), chất tạo màu tổng hợp (150c, 150d), dầu bơ thay thế, hương liệu tổng hợp, muối.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm:

18 tháng kể từ ngày sản xuất. Ngày sản xuất và hạn sử dụng in trên bao bì.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Quy cách đóng gói: 340 g hoặc theo yêu cầu khách hàng và được ghi rõ trên nhãn hàng hóa.

- Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng gói trong bao bì màng ghép phức hợp, có lớp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm bằng nhựa PE.

Bao bì tiếp xúc với sản phẩm đạt yêu cầu vật liệu bao bì chứa đựng thực phẩm.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất:

Chi nhánh Công ty TNHH Cà phê Trà Phương Vy

Địa chỉ: Số 12, VSIP II-A, đường số 15, Khu Công Nghiệp Việt Nam – Singapore II-A, Phường Vĩnh Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

III. Mẫu nhãn sản phẩm: (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến).



IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia số: 8-1:2011/BYT Đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm (mục 2.4)
- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia số: 8-2:2011/BYT Đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm (mục 1.10, 2.22, 3.28, 4.7)
- Tiêu chuẩn của nhà sản xuất: *Theo phụ lục bảng thông tin chi tiết sản phẩm đính kèm*

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Tp Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 12 năm 2025


ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
(Ký tên, đóng dấu)



Lương Thị Mai Phương

Trưởng phòng nghiên cứu & phát triển

PHỤ LỤC
BẢN THÔNG TIN CHI TIẾT SẢN PHẨM

 <p>PHƯƠNG VY Đam mê cà phê Việt</p>	<p>CÔNG TY TNHH CÀ PHÊ TRÀ PHƯƠNG VY</p>	<p>NHÓM SẢN PHẨM: CÀ PHÊ</p>	<p>SỐ TCB: 39/CPTPV/2025</p>
		<p>PHIN ĐẬM ĐẶC BIỆT</p>	<p>Có hiệu lực kể từ ngày ký</p>

1. Chỉ tiêu cảm quan.

- Màu sắc: Màu nâu đặc trưng của sản phẩm
- Mùi: Mùi thơm đặc trưng của sản phẩm cà phê, không có mùi lạ
- Vị: Vị đặc trưng của sản phẩm, không có vị lạ
- Trạng thái: Dạng bột, không vón cục.

2. Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu.

STT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	MỨC CÔNG BỐ
1	Độ ẩm	% khối lượng	≤ 5
2	Hàm lượng Caffeine	% khối lượng	≥ 1

3. Chỉ tiêu kim loại nặng: Phù hợp với QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm (mục 1.10, 2.22, 3.28, 4.7)

STT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	MỨC CÔNG BỐ
1	Hàm lượng Asen (As)	mg/ kg	≤ 1
2	Hàm lượng Cadimi (Cd)	mg/ kg	≤ 1
3	Hàm lượng Chì (Pb)	mg/ kg	≤ 2
4	Hàm lượng Thủy ngân (Hg)	mg/ kg	≤ 0.05

4. Chỉ tiêu độc tố vi nấm: Phù hợp với QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm (mục 2.4)

STT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	MỨC CÔNG BỐ
1	Hàm lượng Ochratoxin A	µg/ kg	≤ 5

5. Thành phần dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng

STT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	MỨC CÔNG BỐ
1	Năng lượng	Kcal/ 100 g	≥ 217
2	Chất đạm	g/ 100 g	≥ 22.75
3	Carbohydrat	g/ 100 g	≥ 7.56
4	Chất béo	g/ 100 g	≥ 10.64
5	Natri	mg/ 100 g	≥ 72.8

Tp Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 12 năm 2025

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



Trương Thị Mai Phương

Trưởng phòng nghiên cứu & phát triển



Phương Vy

Đam mê cà phê Việt

PHIN ĐẬM

ĐẶC BIỆT

SPECIAL

THƠM NGON
RICH & AROMATIC



ĐẬM ĐÀ
FULL-BODIED



KHỐI LƯỢNG TÍNH: 340 G
NET WT: 12 OZ

PHIN ĐẬM

ĐẶC BIỆT

SPECIAL

Thành phần:

Cà phê, đậu nành, chất tạo màu tự nhiên (150a), chất tạo màu tổng hợp (150c, 150d), dầu bơ thay thế, hương liệu tổng hợp, muối.

Ingredients:

Coffee, soybean, natural color (150a), synthetic colors (150c, 150d), butter oil substitute, synthetic flavor, salt.

Hướng dẫn sử dụng:

Dùng cho phin.

Usage Instructions:

Brew using a traditional Vietnamese drip filter (Phin).

Hướng dẫn bảo quản:

Bảo quản nơi khô mát, tránh ánh sáng trực tiếp.

Giữ kín miệng túi sau khi mở.

Instructions for storage:

Store in a cool, dry place away from direct sunlight.

Reseal tightly after opening.

GIÁ TRỊ DINH DƯỠNG NUTRITION FACTS	Trong/ Per 100g
Năng lượng/ Energy	310 kcal
Chất đạm/ Protein	32.5 g
Carbohydrate	10.8 g
Chất béo/ Fat	15.2 g
Natri/ Sodium	104 mg

Thông tin cảnh báo:

Không dùng cho người mẫn cảm với các thành phần nào của sản phẩm.

Warning:

Do not use for people allergic to the ingredients of the product

Sản phẩm của:

CÔNG TY TNHH CÀ PHÊ TRÀ PHƯƠNG VY

Địa chỉ: 432A Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường Thanh Mỹ Tây, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Hotline: 1900 23 23 53

Product of:

PHƯƠNG VY COFFEE TEA CO., LTD

Head office: 432A Xo Viet Nghe Tinh Street, Ward Thanh My Tay, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Xuất xứ: Việt Nam

Product of Vietnam

Công ty chịu trách nhiệm nội dung tiếng Anh tương ứng tiếng Việt



TEST REPORT BÁO CÁO THỬ NGHIỆM

Report No./ Số báo cáo:

25-160611

Revision: 00

Company/ Công ty:

PHUONG VY COFFEE TEA COMPANY LIMITED
CÔNG TY TNHH CÀ PHÊ TRÀ PHƯƠNG VY
BRANCH OF PHUONG VY COFFEE TEA COMPANY LIMITED
CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH CÀ PHÊ TRÀ PHƯƠNG VY

Address/ Địa chỉ:

Head Office: 432A Xo Viet Nghe Tinh Street, Ward 25, Binh Thanh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.
Văn Phòng: 432A Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Branch: No.12, VSIP II-A, Street No. 15, Vietnam Singapore Industrial Park II-A, Vinh Tan Ward, Tan Uyen City, Binh Duong Province, Vietnam
Chi nhánh: Số 12, VSIP II-A, Đường Số 15, Khu Công Nghiệp Việt Nam – Singapore II-A, Phường Vĩnh Tân, Thành Phố Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Report Issued: 17-Jun-2025

MNAQ Reference: 25-160611

Sample(s) Received: 11-Jun-2025

Ngày phát hành báo cáo

Tham chiếu MNAQ

Ngày nhận mẫu

Testing Period/ Thời gian phân tích: 11-Jun-2025 to 17-Jun-2025

Results - Kết quả

The testing results are valid on the sample(s) as received/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nhận được.

Customer Sample Name/ Tên mẫu: **Phin đậm đặc biệt**

Lab ID: 25-160611-1

Sample Description/ Mô tả mẫu: Sample in aluminum bag/ Mẫu đựng trong túi nhôm

Sample Condition/ Tình trạng mẫu: Acceptable/ Chấp nhận

Test Chỉ tiêu	Result Kết quả	Unit Đơn vị	Method Phương pháp phân tích
Ochratoxin A	Not Detected/Không phát hiện (LOD=0.5)	µg/kg	FLAB-FA-MTHD-010: 2024 (Ref. AOAC 2004.10)
Tro/ Ash	5.15	g/100 g	FLAB-FC- MTHD-024:2023 (Ref. AOAC 938.08)
Béo/ Fat	15.2	g/100 g	FLAB-FC- MTHD-018:2023 (Ref. AOAC 920.39)
Đạm/ Protein (Nx6.25)	32.5	g/100 g	FLAB-FC- MTHD-020:2023 (Ref. AOAC 2001.11)
Âm/ Moisture	1.98	g/100 g	FLAB-FC-MTHD-014:2023 (Ref. AOAC 950.46)
Xơ dinh dưỡng/ Dietary Fiber	34.4	g/100 g	AOAC 985.29
Năng lượng/ Calories	310	kcal/100 g	FLAB-FCMTHD-033:2024 (Ref. (AOAC 986.25 FAO, Food & Nutrition P. 77, US FDA 21 CFR 101.9)

LOD/ GHPH: Limit of Detection/ Giới hạn phát hiện
LOQ/ GHDL: Limit of Quantitation/ Giới hạn định lượng
ND/ KPH: Not Detected/ Không phát hiện

* Subcontracted test/ Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ
* ISO 17025 not accredited/ Chỉ tiêu chưa được công nhận ISO 17025
Information provided by clients: company, address, samples names/
Thông tin do khách hàng cung cấp: công ty, địa chỉ, tên mẫu

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without prior written permission of the MNAQ company/
Không được trích sao một phần báo cáo thử nghiệm này mà không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty MNAQ.

If there are questions or concerns on this report, please contact:
Khi khách hàng cần thêm thông tin về kết quả, xin vui lòng liên hệ:
Customer Service/ Bộ phận chăm sóc khách hàng:
Tel: (84-292) 3.888.678 - 3.734.476
Email: ctiab@mxnsaq.com

Test Chỉ tiêu	Result Kết quả	Unit Đơn vị	Method Phương pháp phân tích
Carbohydrat (không bao gồm chất xơ)/ Carbohydrate	10.8	g/100 g	FLAB-FCMTHD-033:2024 (Ref. (AOAC 986.25 FAO, Food & Nutrition P. 77, US FDA 21 CFR 101.9)
Caffeine	1.48	%	FLAB-FA-MTHD-019:2024 (Ref. ISO 20481:2008)
Chì/ Lead (Pb)	0.025	mg/kg	AOAC 2013.06
Cadimi/ Cadmium (Cd)	0.010	mg/kg	AOAC 2013.06
Asen/ Arsenic (As)	0.013	mg/kg	AOAC 2013.06
Thủy ngân/ Mercury (Hg)	Not Detected/Không phát hiện (LOD=0.003)	mg/kg	AOAC 2013.06
Natri/ Sodium (Na)	103.7	mg/100 g	FLAB-FC-MTHD-030: 2023 (Ref. AOAC 2013.06)

GIÁ TRỊ DINH DƯỠNG (NUTRITION FACTS)		
Thành phần dinh dưỡng	Trên 100g	% giá trị dinh dưỡng tham chiếu (NRV)
Năng lượng (Energy)	310 kcal	16%
Chất đạm (Protein)	32.5 g	65%
Carbohydrate	10.8 g	3%
Chất béo (Fat)	15.2 g	27%
Natri (Sodium)	104 mg	5%

% giá trị dinh dưỡng tham chiếu (nutrient reference values-NRV) là tỉ lệ đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng hàng ngày (với khẩu phần 2000 Kcal) của mỗi thành phần dinh dưỡng có trong 100 g hoặc 100 ml thực phẩm

Remark/ Ghi chú: Nil/ Không

GENERAL DIRECTOR
TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN HIỆP